

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **44/2018/DS-PT**

Ngày: 19 - 01 - 2018

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Thúy**

Các Thẩm phán:

Ông Mai Hoàng Khải;

Bà Trần Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Hoàng Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 195/2017/DSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 425/2017/QĐ-PT ngày 11/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lưu Chí H**, sinh năm 1962; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Chị **Lê Thị Tuyết M**, sinh năm 1969; (có mặt)

2.2. Anh **Lê Văn N**, sinh năm 1971; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1935; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn VB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Chị **Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

* Người kháng cáo: Bị đơn **Lê Thị Tuyết M.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn anh **Lưu Chí H** trình bày:*

Trong năm 2014, chị M và anh N có tham gia 04 dây hội do anh làm đầu thảo, cụ thể:

Dây thứ nhất mở ngày 19/5/2014 AL, hội 1.000.000 đồng/ tháng, có 19 phần, chị M và anh N tham gia 01 phần và hốt hội ở kỳ thứ 5, sau đó đóng hội chết đến kỳ thứ 16 thì ngưng. Dây hội này chị M và anh N còn nợ anh 03 kỳ hội chết là 3.000.000 đồng.

Dây thứ hai mở ngày 01/7/2014 AL, hội 2.000.000 đồng/ tháng, có 19 phần, bà Nguyễn Thị B đứng ra chơi giùm chị M và anh N 01 phần và hốt hội ở kỳ thứ 02, sau đó đóng hội chết đến kỳ thứ 14 thì ngưng. Dây hội này chị M và anh N còn nợ anh 05 kỳ hội chết là 10.000.000 đồng.

Dây thứ ba mở ngày 29/3/2014 AL, hội 1.000.000 đồng/ tháng, có 23 phần, chị M và anh N tham gia 02 phần và hốt hội ở kỳ thứ 01 và thứ 04, sau đó đóng hội chết đến kỳ thứ 19 thì ngưng. Dây hội này chị M và anh N còn nợ anh 04 kỳ hội chết x 2 là 8.000.000 đồng.

Dây thứ tư mở ngày 06/9/2014 AL, hội 1.000.000 đồng/ tháng, có 25 phần, chị M và anh N tham gia 01 phần và hốt hội ở kỳ thứ 6, sau đó đóng hội chết đến kỳ thứ 12 thì ngưng. Dây hội này chị M và anh N còn nợ anh 13 kỳ hội chết là 13.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị M và anh N nợ anh là 34.000.000 đồng. Tuy nhiên, do các phần hội này mãi đã lâu nhưng chị M, anh N không đóng đủ nên đến ngày 27/01/2017 hai bên đối chiếu nợ. Chị M và anh N viết giấy nợ anh số tiền hội tổng cộng 34.000.000 đồng trừ đi các khoản khác (tiền công chị M, anh N làm thuê cho anh gồm: hái dừa, gói bánh tét) thì còn nợ lại anh số tiền 31.242.000 đồng, chị M, anh N hứa đến ngày 27/02/2017 sẽ trả một nửa và đến ngày 27/3/2017 sẽ trả hết phần còn lại nhưng chị M, anh N cũng không thực hiện theo thỏa thuận.

Anh khởi kiện yêu cầu chị M, anh N trả cho anh số tiền nợ hội còn lại tổng cộng là 31.242.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, vì dây hội thứ hai do bà Nguyễn Thị B là mẹ ruột chị M tham gia chơi nên anh xin rút yêu cầu khởi kiện đối với dây hội này là 10.000.000 đồng. Nay, anh yêu cầu chị M, anh N trả cho anh tổng số tiền 21.242.000 đồng.

* *Bị đơn chị **Lê Thị Tuyết M** trình bày:*

Vào ngày 30/01/2017, anh H dẫn theo 06 người đòi đập nhà, bắt heo, xiết xe bắt buộc vợ chồng anh chị ký tên trả số nợ 31.242.000 đồng sau một tháng. Sự việc đó chị có nhờ anh Dương Minh D là công an ấp B đến hòa giải. Đúng 01 tháng sau, anh H đến nhà anh chị và chửi mắng, hăm dọa vợ chồng anh chị.

Số tiền nợ chị không trả cho anh H có nhiều lý do: Thứ nhất là nhuần hai tháng 09 năm 2015, chị đóng đủ không trừ ra; thứ hai là anh H làm giấy hui, chị chỉ căn cứ theo giấy mà đóng; thứ ba tiền đóng hui có đóng trễ nhưng chị đem đóng tại nhà vợ chồng anh H hai lần là 12.000.000 đồng không trừ ra nói để tính tiền lời. Do đó, chị yêu cầu bác đơn khởi kiện của anh H.

* *Bị đơn anh Lê Văn N:* Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu V trình bày:* Chị là vợ anh H, việc anh H làm đầu thảo hui chị biết rất rõ. Tuy nhiên, anh H mới là người đứng tên trên giấy tờ chơi hui với các hui viên. Chị M và anh N là hui viên. Trong quá trình chơi hui, chị M có đưa cho chị 14.000.000 đồng vào năm 2015 AL là đúng, (cụ thể gồm 03 lần: khoảng tháng 6/2015 ÂL 5.000.000 đồng giao tại nhà chị, tháng 8/2015 ÂL là 7.000.000 đồng và ngày 28 tết âm lịch năm 2015 là 2.000.000 đồng giao tại nhà chị M). Các lần nhận tiền này chị đều đưa lại cho anh H và đã trừ vào số tiền hui chết mà chị M đã đóng. Do đó, biên nhận nợ ngày 27/01/2017 (nhằm ngày 30 tết) là anh H đã trừ số tiền này ra rồi. Ngày 27/01/2017, chị M, anh N viết biên nhận nợ, chị có đi cùng anh H đến nhà chị M, anh N để yêu cầu trả tiền nợ hui. Chị M, anh N đã đọc kỹ nội dung trong tờ biên nhận và thống nhất ký tên.

Tại bản án sơ thẩm số 195/2017/DSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang quyết định:

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Chí H.*

- *Buộc chị Lê Thị Tuyết M và anh Lê Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho anh H số tiền nợ hui là 21.242.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.*

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ về lãi suất chậm trả do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

* Ngày 25/10/2017, bị đơn Lê Thị Tuyết M kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Chị chỉ đồng ý trả cho anh Lưu Chí H số tiền 13.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Lê Thị Tuyết M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo chỉ đồng ý trả số tiền nợ hui 13.000.000 đồng, nguyên đơn Lưu Chí H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi chị M, anh N có trách nhiệm liên đới trả số tiền 21.242.000 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị Tuyết M là không có cơ sở, nên

đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Tuyết M, nghe đương sự trình bày thêm tại phiên tòa phúc thẩm, qua tranh luận và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Xét đơn kháng cáo của chị Lê Thị Tuyết M không đồng ý với bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chị chỉ đồng ý trả cho anh Lưu Chí H số tiền 13.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa anh H và chị M thống nhất: Trong năm 2014 anh H làm đầu thảo của 04 dây hụi, trong đó chị M, anh N tham gia 03 dây, với phần hụi và số lượng thành viên như anh H trình bày.

Đối với dây hụi mở ngày 01/7/2014 AL do bà Nguyễn Thị B mẹ ruột chị M tham gia còn nợ 10.000.000 đồng, anh H không tranh chấp và xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này và Tòa sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của anh H là phù hợp theo quy định pháp luật.

Về số tiền hụi, anh H khởi kiện yêu cầu chị M và anh N trả cho anh 21.242.000 đồng. Anh H có cung cấp cho Tòa các biên nhận giao tiền hụi và biên nhận nợ ngày 27/01/2017 (BL43) thể hiện nội dung chị M, anh N còn nợ tiền hụi, sau khi cân trừ các khoản khác thì còn nợ lại 31.242.000 đồng. Biên nhận này được chị M và anh N thừa nhận có viết và có ký tên. Anh H chỉ yêu cầu chị M, anh N trả 21.242.000 đồng (do trừ số tiền hụi 10.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị B tham gia chơi hụi). Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử buộc chị M, anh N trả cho anh H 21.242.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị M kháng cáo chỉ đồng ý trả cho anh H số tiền là 13.000.000 đồng. Yêu cầu này của chị M không được anh H đồng ý. Chị M cho rằng do bị đe dọa, ép buộc nên viết biên nhận trên, thực tế số tiền nợ này chị không trả anh H là do nhuần 02 tháng 9 năm 2015, chị đóng đủ nhưng không được anh H trừ ra và số tiền đóng hụi 12.000.000 đồng chị đóng làm 02 lần tại nhà anh H cũng không được trừ ra. Tuy nhiên, lời khai này không được anh H thừa nhận và chị M cũng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện GCT.

Án sơ thẩm xử buộc chị M, anh N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H số tiền 21.242.000 đồng là có cơ sở phù hợp với qui định tại các Điều 471, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Tuyết M, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện GCT.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 471, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh về án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Tuyết M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 195/2017/DSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện GCT.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Chí H.

- Buộc chị Lê Thị Tuyết M và anh Lê Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho anh Lưu Chí H số tiền nợ hui là 21.242.000 đồng (*hai mươi một triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng*), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ xét xử việc anh H yêu cầu chị M, anh N trả tiền dây hui khai ngày 01/7/2014 âm lịch với số tiền là 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Lưu Chí H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị Tuyết M, anh Lê Văn N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

- Chị Lê Thị Tuyết M và anh Lê Văn N phải liên đới chịu 1.062.100 đồng (*một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn một trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 38974 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GCT, nên đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Hoàn lại cho anh Lưu Chí H số tiền 781.000 đồng (*bảy trăm tám mươi một nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 38609 ngày 10/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GCT.

3/ Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện GCT;
- CCTHADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy